

Cẩm Khê, ngày 21 tháng 01 năm 2022

Số: 39/2022/QĐST-HNGĐ

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 10/2021/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2021 giữa:

- **Nguyên đơn:** Chị **Nguyễn Thị Thuỳ M**- sinh năm 1982; nơi cư trú: Khu T 1, xã Y, huyện C, Phú Thọ.

- **Bị đơn:** Anh **Nguyễn Văn T** - sinh năm 1980; nơi cư trú: Khu T 1, xã Y, huyện C, Phú Thọ.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam (Agribank) - Chi nhánh huyện C, tỉnh Phú Thọ.

**Người đại diện theo uỷ quyền:** Ông Hoàng Minh T; chức vụ: Phó giám đốc Agribank chi nhánh huyện Cẩm Khê, Phú Thọ.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và khoản 3 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 33, 55, 58, 59, 81; 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147 bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 7 điều 26, điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 luật thi hành án dân sự.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 14 tháng 01 năm 2022.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 14 tháng 01 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn

và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Thuỳ M và anh Nguyễn Văn T .

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Thuỳ M trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Nguyễn Trí L- sinh ngày 26/7/2005, Nguyễn Kim D- sinh ngày 12/9/2010. Anh Nguyễn Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị M là 1.000.000đ (Một triệu đồng)/ con chung/ tháng, tổng là 2.000.000đ (Hai triệu đồng)/ 02 con chung/ tháng, kể từ tháng 2 năm 2022 cho đến khi từng con chung thành niên (Đủ 18 tuổi). Phương thức cấp dưỡng theo định kỳ hàng tháng.

Anh Nguyễn Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

2.2. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: chị Nguyễn Thị Thuỳ M và anh Nguyễn Văn T tự nguyện thoả thuận và đề nghị Toà án ghi nhận sự thoả thuận như sau:

- Chị Nguyễn Thị Thuỳ M được quyền sở hữu: 01 nhà xây 2 tầng, 1 tầng âm (3 sàn đồ mái) và 01 sàn âm, mái lợp tôn kèo thép, xây dựng khung bê tông cốt thép, tường xây gạch chỉ, có chát, không sơn, nền lát gạch men, cửa chính bằng gỗ, cửa sổ bằng nhôm kính, diện tích 170m<sup>2</sup>, trị giá 391.000.000đồng; Sân trước nhà (mái lợp tôn, xung quanh xây gạch chỉ đỡ trụ có nan bê tông) diện tích 30m<sup>2</sup> trị giá 27.000.000đồng; 01 cánh cổng sắt diện tích 4,84m<sup>2</sup> trị giá 3.000.000đồng; 01 xe máy nhãn hiệu honda lead, biển kiểm soát: 19G1-363.86 đứng tên Nguyễn Thị Thuỳ M, trị giá 20.000.000đồng và có quyền sử dụng: 169.1m<sup>2</sup> đất (50m<sup>2</sup> đất ở, 119,1m<sup>2</sup> cây lâu năm) theo chỉ giới: 8, 3,4,7,8 (như sơ đồ hiện trạng kèm theo) thuộc thửa đất 168, tờ bản đồ 08 tại khu Trung Thuận 1, xã Y, huyện C, tỉnh Phú Thọ đã được UBND huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CR 755243 ngày 02/12/2019 đứng tên Nguyễn Thị Thuỳ M trị giá 447.640.000đồng.

Tổng giá trị tài sản chị M được sử dụng là 888.640.000đ (Tám trăm tám mươi tám triệu sáu trăm bốn mươi nghìn đồng).

Chị Nguyễn Thị Thuỳ M có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam (Agribank) - Chi nhánh huyện C, tỉnh Phú Thọ số

tiền vay gốc là 150.000.000đồng và tiền lãi theo hợp đồng tín dụng số 2712-LAV-202000483 ngày 27/002/2020 cho đến khi T toán xong.

- Anh Nguyễn Văn T được quyền sở hữu: 01 xe máy honda wave, biển kiểm soát: 19G1-237.34 đứng tên Nguyễn Thị Thuỳ M trị giá 5.500.000đồng và có quyền sử dụng 172.9m<sup>2</sup> đất (50m<sup>2</sup> đất ở, 122.9m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm) theo chỉ giới: 1,2,3,8,1 (như sơ đồ kèm theo) thuộc thửa đất 168, tờ bản đồ 08 tại khu T 1, xã Y, huyện C, tỉnh Phú Thọ đã được UBND huyện Cẩm Khê cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CR 755243 ngày 02/12/2019 đứng tên Nguyễn Thị Thuỳ M, trị giá 449.160.000đồng.

Tổng giá trị tài sản anh T được sử dụng là 454.660.000đồng.(Bốn trăm năm mươi tư triệu một trăm sáu mươi nghìn đồng).

- Chị Nguyễn Thị Thuỳ M có nghĩa vụ T toán chênh lệch tài sản cho anh Nguyễn Văn T số tiền: 141.990.000đ (Một trăm bốn mươi một triệu chín trăm chín mươi nghìn đồng). Thời hạn T toán vào ngày 07/4/2022.

Đến thời hạn trả nợ, nếu bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả; lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 điều 468 Bộ luật dân sự; nếu không thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Đối với diện tích đất 20,4m<sup>2</sup> nằm ngoài giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (theo chỉ giới 7,5,6,7 trong sơ đồ hiện trạng kèm theo) mà chị M và anh T đã xây nhà trên đất, hai bên thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về công sức: Hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thuỳ M xin chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, tự nguyện nộp thay anh T 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con và 13.933.000đồng án phí chia tài sản chung. Tổng là 14.233.000đồng. Nhưng được trừ vào 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí chị M đã nộp theo biên lai thu tiền số 0007621 ngày 08/10/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ. Chị M còn phải nộp 13.933.000đ (Mười ba triệu chín trăm ba mươi ba nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Nguyễn Văn T phải chịu 13.933.000đ (Mười ba triệu chín trăm ba mươi ba nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về chia tài sản chung.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- VKSND H.Cẩm Khê;
- THADS H.Cẩm Khê.
- UBND xã Y;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**THẨM PHÁN**

**Vũ Văn Thắng**